

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2013/QĐ-UBND

*Lào Cai, ngày 13 tháng 8 năm 2013*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về thanh toán tiền chi trả dịch vụ  
môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn trình tự thủ tục nghiệm thu thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 60/2012/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định diện tích rừng trong lưu vực phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính ban hành hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 114/TTr-SNN ngày 20/6/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Chi cục trưởng Chi cục: Kiểm lâm, Lâm nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**Doãn Văn Hưởng**

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Kèm theo Quyết định số: 31/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013  
của UBND tỉnh Lào Cai)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy định này quy định về hồ sơ thanh toán, trình tự, thủ tục đối với các chủ rừng thuộc lưu vực các nhà máy thủy điện đã phát điện và uỷ thác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các chủ rừng là tổ chức được Nhà nước giao rừng;
2. Các tổ chức không phải là chủ rừng được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng (UBND cấp xã; các cơ quan; tổ chức chính trị, xã hội);
3. Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản được Nhà nước giao rừng; cho thuê rừng;
4. Các hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng theo quy định của Nhà nước;
5. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao;
6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến việc chi trả tiền DVMTR.

#### **Điều 3. Nguyên tắc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng**

1. Việc chi trả tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh Lào Cai thống nhất thực hiện theo hình thức chi trả gián tiếp quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
2. Các khu rừng trong lưu vực có cung cấp DVMTR thì được hưởng tiền cung ứng DVMTR ở lưu vực đó.
3. Chủ rừng chỉ được thanh toán tiền DVMTR khi có đầy đủ các hồ sơ thanh toán theo quy định.

## Chương II

### HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC

#### **Điều 4. Hồ sơ thanh toán và trình tự, thủ tục của chủ rừng là tổ chức**

##### **1. Hồ sơ thanh toán:**

a) Bản cam kết quản lý bảo vệ rừng, cung ứng DVMTR hàng năm với Sở Nông nghiệp và PTNT (*Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành mẫu*);

b) Biểu thống kê danh sách hộ nhận khoán kèm theo hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với hộ nhận khoán có xác nhận của UBND cấp xã sở tại đối với những diện tích chủ rừng khoán cho hộ nhận khoán;

c) Báo cáo thuyết minh, kế hoạch chi trả tiền DVMTR, dự toán chi phí quản lý do chủ rừng tự phê duyệt (*theo nội dung hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 8 Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính*);

d) Biểu xác định diện tích rừng cung ứng DVMTR (*theo mẫu biểu số 6 ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC*);

e) Bản đồ ranh giới diện tích cung ứng DVMTR tỷ lệ 1/25.000;

f) Biên bản nghiệm thu kết quả cung ứng DVMTR (*mẫu biên bản kèm theo Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v hướng dẫn trình tự, thủ tục nghiệm thu thanh toán tiền chi trả DVMTR*);

h) Danh sách chi tiền DVMTR cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng.

##### **2. Trình tự, thủ tục:**

Chủ rừng hoàn thiện hồ sơ thanh toán đề nghị chi trả tiền DVMTR gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, tổng hợp hồ sơ thanh toán tiền DVMTR gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để làm cơ sở chi trả; đồng thời gửi Hạt Kiểm lâm cấp huyện 01 bản để tổng hợp kế hoạch chung toàn huyện.

Trình tự như sau:

Bước 1. Chủ rừng thực hiện nghiệm thu đối với hộ nhận khoán;

Bước 2. Chủ rừng tổng hợp kết quả nghiệm thu; lập biểu tổng hợp diện tích rừng do chủ rừng tự tổ chức quản lý bảo vệ; gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định trước ngày 31/12 hàng năm (*kèm theo Quy định này mẫu Biểu 01*);

Bước 3. Sau khi Sở Nông nghiệp và PTNT nghiệm thu, thẩm định; chủ rừng tổng hợp thành hồ sơ thanh toán gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 15/02 năm sau, làm cơ sở thanh toán tiền chi trả DVMTR.

**Điều 5. Hồ sơ thanh toán và trình tự, thủ tục của tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng (gồm UBND cấp xã; các cơ quan; tổ chức chính trị xã hội)**

1. Hồ sơ thanh toán:

- a) Kế hoạch chi tiền DVMTR;
- b) Báo cáo thuyết minh kế hoạch chi *(theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC)*;
- c) Biểu xác định diện tích rừng cung ứng DVMTR *(theo mẫu biểu số 6 ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC)*;
- d) Bản đồ ranh giới diện tích cung ứng DVMTR tỷ lệ 1/25.000;
- e) Biên bản nghiệm thu kết quả cung ứng DVMTR của Sở Nông nghiệp và PTNT *(mẫu biên bản kèm theo Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT)*;
- f) Phương án quản lý bảo vệ rừng được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục:

Tổ chức tự lập hồ sơ thanh toán gửi Hạt Kiểm lâm tổng hợp, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định nghiệm thu. Sau khi có kết quả thẩm định nghiệm thu, Hạt Kiểm lâm gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước 15/02 để làm căn cứ chuyển tiền. Trình tự như sau:

Bước 1. Tổ chức thực hiện nghiệm thu theo quy định;

Bước 2. Sau khi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định nghiệm thu; Tổ chức lập hồ sơ thanh toán gửi Hạt Kiểm lâm tổng hợp gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 15/02 năm sau, làm cơ sở thanh toán tiền chi trả DVMTR.

**Điều 6. Hồ sơ thanh toán và trình tự thủ tục của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản được Nhà nước giao rừng**

1. Hồ sơ thanh toán:

- a) Bản cam kết bảo vệ rừng với UBND cấp xã hàng năm hoặc ổn định nhiều năm;
- b) Bản tự kê khai kết quả bảo vệ cung ứng DVMTR của từng chủ rừng *(kèm theo Quy định này mẫu Biểu 02)*;
- c) Biên bản kết quả nghiệm thu của UBND xã với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn *(theo mẫu tại Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT)*.

2. Trình tự, thủ tục:

Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố là cơ quan đầu mối (gọi là cơ quan chi trả cấp huyện) tiếp nhận nguồn tiền ủy thác chi trả DVMTR cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn huyện từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh. Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, hướng dẫn

các chủ rừng, lập hồ sơ thanh toán, trình thẩm định, phê duyệt, tổ chức chi trả tiền DVMTR trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định.

Trình tự như sau:

Bước 1. Trước 15/11 hàng năm Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố hướng dẫn các chủ rừng lập bản tự kê khai kết quả bảo vệ rừng cung ứng DVMTR, bản cam kết bảo vệ rừng gửi trưởng thôn tổng hợp và công khai bản tổng hợp danh sách và diện tích rừng được chi trả DVMTR của các chủ rừng tại nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân theo dõi;

- Trước ngày 30/11 hàng năm trưởng thôn, bản gửi bản tổng hợp danh sách và diện tích rừng chi trả DVMTR của các chủ rừng; bản cam kết bảo vệ rừng về UBND cấp xã xác nhận.

Bước 2. Trước 15/12 hàng năm UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, tổng hợp diện tích rừng chi trả DVMTR toàn xã gửi Hạt Kiểm lâm cấp huyện;

Bước 3. Trước ngày 31/12 hàng năm Hạt Kiểm lâm cấp huyện tổng hợp diện tích rừng chi trả DVMTR toàn huyện, thành phố (*kèm theo Quy định này mẫu Biểu 01*);

Bước 4. Trước 15/02 năm sau, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố hoàn thành việc kiểm tra, xác nhận trình UBND huyện phê duyệt gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh làm cơ sở thanh toán tiền chi trả DVMTR.

### **Chương III**

## **KINH PHÍ QUẢN LÝ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN**

### **Điều 7. Kinh phí quản lý**

1. Kinh phí quản lý đối với Quỹ cấp tỉnh:

a) Số tiền được điều phối từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và tiền nhận ủy thác từ các đối tượng sử dụng DVMTR trên địa bàn tỉnh được trích 10% trên tổng số tiền thực nhận ủy thác trong năm (bao gồm cả tiền lãi thu được từ số tiền bên sử dụng DVMTR chậm trả, lãi tiền gửi từ nguồn chi trả DVMTR) để chi cho các hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

b) Nội dung chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

2. Kinh phí quản lý đối với chủ rừng là tổ chức:

Đối với các chủ rừng là tổ chức Nhà nước số tiền chi trả DVMTR nhận từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh được coi như 100%, được sử dụng 10% cho chi phí quản lý, số còn lại 90% dùng cho công tác khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài.

3. Kinh phí quản lý đối với Sở Nông nghiệp và PTNT, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố và UBND cấp xã:

a) Kinh phí quản lý đối với Sở Nông nghiệp và PTNT, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố và UBND cấp xã do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh hỗ trợ. Hàng năm, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trích 5% trên tổng số kinh phí quản lý được trích để lại của Quỹ (10%), mức hỗ trợ kinh phí quản lý hàng năm cụ thể của các đơn vị do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định;

b) Chi phí quản lý nêu trên chi cho các hoạt động: Văn phòng phẩm, xây dựng phương án, lập kế hoạch chi trả DVMTR; kiểm tra, nghiệm thu, công tác phí, sơ kết, tổng kết và một số chi phí khác phục vụ công tác quản lý chi trả DVMTR.

### **Điều 8. Thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng**

1. Tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng: Chủ rừng là tổ chức nhà nước, căn cứ kế hoạch chi trả DVMTR được UBND tỉnh phê duyệt các chủ rừng lập hồ sơ liên quan, gửi đề nghị xin tạm ứng về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thẩm định trình UBND tỉnh mức tạm ứng và số tiền tạm ứng cho các chủ rừng.

2. Thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng: Căn cứ hồ sơ thanh toán, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chi trả trực tiếp cho các chủ rừng là tổ chức và chuyển kinh phí về Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố để chi trả cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, UBND các xã và các tổ chức chính trị xã hội được giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn.

### **Điều 9. Quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng**

1. Trình tự thanh quyết toán:

a) Các chủ rừng là tổ chức, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố nhận được kinh phí chi trả DVMTR từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, có trách nhiệm tiến hành thanh toán cho các chủ rừng theo quy định.

b) Sau khi thanh toán tiền DVMTR cho các chủ rừng, các tổ chức, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố có trách nhiệm gửi các hồ sơ đã ký nhận tiền chi trả DVMTR, chi phí quản lý (hồ sơ gốc) về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để làm thủ tục kiểm tra, thanh quyết toán theo quy định hoặc Quỹ có lịch kiểm tra quyết toán đến từng đơn vị.

c) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nhận hồ sơ chứng từ, thẩm định và lập biên bản quyết toán tiền DVMTR và chi phí quản lý cho từng tổ chức, Hạt Kiểm lâm sau đó trả lại hồ sơ và chứng từ gốc cho các tổ chức và Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố để lưu trữ tại đơn vị.

d) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kinh phí chi trả tiền DVMTR trên toàn tỉnh và quyết toán theo quy định.

2. Chứng từ và Báo cáo quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Chứng từ kế toán:

- Đối với kinh phí quản lý: Chứng từ kế toán là các hoá đơn và các chứng từ hợp pháp khác theo quy định hiện hành;

- Đối với chứng từ chi tiền DVMTR: Chứng từ kế toán là danh sách đã ký nhận tiền dịch vụ môi trường của các hộ nhận khoán bảo vệ rừng và các chứng từ khác liên quan;

- Đối với danh sách ký nhận tiền DVMTR thì phải đảm bảo quy định sau: Số tiền ghi trong danh sách chi tiền phải đúng số tiền chi thực tế cho các hộ được nhận, không được ký thay, nhận thay tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng. Trường hợp nhận thay thì phải có giấy ủy quyền do địa phương cấp xã xác nhận, người không biết chữ thì lấn tay, điểm chỉ;

- Các đơn vị chi trả tiền DVMTR rà soát, xác định lại toàn bộ danh sách các hộ nhận khoán, diện tích nhận khoán, loại bỏ các hộ không thuộc tiêu chuẩn chi trả và chịu trách nhiệm về danh sách đã phê duyệt chi trả tiền DVMTR.

b) Báo cáo quyết toán và thời gian nộp

Đối với chủ rừng là tổ chức và Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố trước ngày 15/02 gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh các biểu mẫu báo cáo sau:

- Báo cáo thực hiện chi trả tiền DVMTR (*Theo Biểu mẫu số 9 tại Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC*);

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán kinh phí (*theo mẫu số B02-H, F02-1H của QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của BTC và sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính*);

Đối với Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nhận báo cáo quyết toán của các đơn vị, tổng hợp, lập báo cáo quyết toán chung toàn tỉnh gửi về Sở Tài chính tỉnh Lào Cai trước ngày 28/02 hàng năm theo quy định.

c) Lưu trữ hồ sơ, chứng từ

Chứng từ kế toán tiền chi trả DVMTR được quản lý theo quy định của pháp luật về kế toán và lưu giữ tại đơn vị kế toán cụ thể:

- Đối với các tổ chức và các Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố: Lưu trữ toàn bộ hồ sơ gốc liên quan đến công tác chi trả DVMTR mà đơn vị chi trả được lưu trữ tại đơn vị, khi có lịch kiểm tra quyết toán đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ theo quy định;

- Đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh lưu giữ chứng từ thu, chi liên quan đến vận hành quản lý Quỹ, hồ sơ chuyển trả tiền cho các tổ chức và biên bản quyết toán tiền DVMTR của các tổ chức.

**Điều 10. Kiểm tra, giám sát và công khai tài chính**

a) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán;

b) Các chủ rừng là tổ chức; các cơ quan, tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được giao trách nhiệm quản lý rừng; Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, chính quyền địa phương và nhân dân;

c) Thông báo tới thôn, bản, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội bằng văn bản và công khai theo quy định về Quy chế dân chủ tại cơ sở (danh sách, sổ tiền được chi trả);

d) Niêm yết công khai danh sách, sổ tiền được chi trả, phương án chi trả tại trụ sở UBND cấp xã và tại cộng đồng thôn, bản hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân biết, theo dõi.

#### **Điều 11. Chế độ báo cáo**

a) Hàng năm chủ rừng là tổ chức, Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thực hiện chi trả DVMTR gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

b) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tổng hợp tình hình thực hiện chi trả DVMTR toàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan**

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: Chủ trì lập kế hoạch chi trả tiền DVMTR bao gồm chi phí quản lý và kinh phí chi trả cho các chủ rừng; tổng hợp kết quả thu, chi tiền DVMTR toàn tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các tổ chức không phải là chủ rừng lập phương án bảo vệ và phát triển rừng, hồ sơ chi trả tiền DVMTR;

- Chỉ đạo Chi cục Lâm nghiệp tham mưu giúp sở tổ chức kiểm tra, nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR, thẩm định hồ sơ đề nghị chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng là tổ chức, các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định;

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm giao Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố hướng dẫn UBND cấp xã, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn lập hồ sơ chi trả tiền DVMTR; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT xác định vị trí, ranh giới diện tích rừng được chi trả tiền DVMTR theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho tổ chức trong lưu vực.

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố phối hợp với Hạt Kiểm lâm xác định ranh giới, diện tích của từng chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư thôn, tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được giao trách nhiệm quản lý rừng nằm trong lưu vực, làm cơ sở thanh toán tiền DVMTR.

4. Sở Tài chính: Phối hợp, hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sử dụng nguồn kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền DVMTR hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt, chủ động bố trí nguồn kinh phí cho công tác phát triển lâm nghiệp chung của tỉnh. Cân đối kinh phí thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm.

6. UBND các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, UBND các xã triển khai thực hiện chi trả DVMTR; phê duyệt phương án chi trả DVMTR chung của huyện, thành phố gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh làm cơ sở cho chi trả; chủ trì giải quyết những vướng mắc phát sinh trong tranh chấp về vị trí, diện tích rừng, chồng lấn giữa các chủ quản lý diện tích rừng đảm bảo cho việc chi trả DVMTR đúng đối tượng.

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm là cơ quan đầu mối thực hiện chi trả cấp huyện, hướng dẫn các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng: UBND cấp xã; các cơ quan tổ chức chính trị, xã hội lập hồ sơ chi trả tiền DVMTR; tổng hợp phương án hỗ trợ chi trả DVMTR của tất cả các chủ rừng trên địa bàn để làm cơ sở chi trả và báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Tổ chức phê duyệt kết quả kiểm tra, nghiệm thu kết quả cung ứng DVMTR của các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các ý kiến phản ánh về UBND tỉnh (qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh) để tổng hợp sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**Doãn Văn Hưởng**



**Biểu 02:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN TỰ KÊ KHAI****KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DVMTR NĂM.....**

(Kèm theo Quyết định số: 31/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013  
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chủ rừng:.....

Địa chỉ Thôn/bản:.....; Phường/xã:.....

Quận/huyện:.....; Tỉnh/Thành phố:.....

**1. Kê khai kết quả bảo vệ rừng cung ứng DVMTR**

| TT | Vị trí |        |          | Loại rừng | Nguồn gốc | Diện tích (ha)    |                    | Chất lượng bảo vệ              |                              |                                 |
|----|--------|--------|----------|-----------|-----------|-------------------|--------------------|--------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
|    | Lô     | Khoảnh | Tiểu khu |           |           | Được giao quản lý | Được chi trả DVMTR | Khai thác trái phép (có/không) | Sâu bệnh hại rừng (có/không) | Tình trạng cháy rừng (có/không) |
|    |        |        |          |           |           |                   |                    |                                |                              |                                 |
|    |        |        |          |           |           |                   |                    |                                |                              |                                 |
|    |        |        |          |           |           |                   |                    |                                |                              |                                 |
|    |        |        |          |           |           |                   |                    |                                |                              |                                 |

Các nội dung khác (nếu có) .....

**2. Cam kết và kiến nghị:**

.....

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI KÊ KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên)